

**QUYẾT ĐỊNH**

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 284/BC-SKHĐT ngày 28/4/2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đồng Nai, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.
- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (Đức).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Hùng**





Kèm theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 05 / 5 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**PHỤ LỤC 01 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

| S<br>T<br>T | Tên gói thầu                                                                                                                                                                                                                                              | Giá gói thầu<br>(đồng)                                                                                              | Nguồn<br>vốn         | Hình thức<br>lựa chọn<br>nhà thầu                                                                            | Phương<br>thức lựa<br>chọn<br>nhà<br>thầu | Thời gian<br>bắt đầu tổ<br>chức lựa<br>chọn nhà<br>thầu | Loại<br>hợp<br>đồng | Thời gian thực<br>hiện hợp đồng              |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------|
|             |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                     |                      |                                                                                                              |                                           |                                                         |                     |                                              |
| 1           | Gói thầu số 05 (xây dựng):<br>Xây dựng công trình phụ trợ và hạ<br>tầng kỹ thuật, nội dung cụ thể<br>theo Quyết định số 1215/QĐ-<br>UBND ngày 17/4/2020 của<br>UBND tỉnh.                                                                                 | 26.516.823.000<br><br>(Hai mươi sáu tỷ,<br>năm trăm mười<br>sáu triệu, tám trăm<br>hai mươi ba nghìn<br>đồng chẵn). | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong nước                                                                           | Một giai<br>đoạn hai<br>túi hồ sơ         | Quý II<br>năm 2020                                      | Trọn<br>gói         | Tối đa 270 ngày<br>kể từ ngày khởi<br>công   |
| 2           | Gói thầu số 06 (xây dựng và<br>thiết bị): Xây dựng hệ thống<br>phòng cháy chữa cháy và<br>chống sét toàn khu, Máy phát<br>điện dự phòng, nội dung cụ<br>thể theo Quyết định số<br>1215/QĐ-UBND ngày<br>17/4/2020 của UBND tỉnh và<br>phụ lục 02 đính kèm. | 2.023.014.000<br><br>(Hai tỷ, không<br>trăm hai mươi ba<br>triệu, không trăm<br>mười bốn nghìn<br>đồng chẵn).       | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong nước<br>qua mạng<br>(chỉ áp<br>dụng cho<br>nhà thầu<br>cấp nhỏ và<br>siêu nhỏ) | Một giai<br>đoạn một<br>túi hồ sơ         | Quý II<br>năm 2020                                      | Trọn<br>gói         | Tối đa 230 ngày<br>kể từ ngày ký<br>hợp đồng |
| 3           | Gói thầu số 07 (xây dựng và<br>thiết bị): Đường dây và trạm<br>biến áp, nội dung cụ thể theo<br>Quyết định số 1215/QĐ-<br>UBND ngày 17/4/2020 của<br>UBND tỉnh và phụ lục 02<br>đính kèm.                                                                 | 865.972.000<br><br>(Tám trăm sáu<br>mười lăm triệu,<br>chín trăm bảy<br>mười hai nghìn<br>đồng chẵn).               | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chỉ định<br>thầu rút<br>gọn                                                                                  |                                           | Quý II<br>năm 2020                                      | Trọn<br>gói         | Tối đa 90 ngày<br>kể từ ngày ký<br>hợp đồng  |



|   |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                           |                      |                                                   |                                   |                     |             |                                              |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|-------------|----------------------------------------------|
| 4 | Gói thầu số 08 (thiết bị):<br>Thang máy, số lượng và<br>chủng loại theo phụ lục 02<br>đính kèm.                                                                                                                               | 900.000.000<br>(Chín trăm triệu<br>đồng chẵn).                                                            | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chào hàng<br>cạnh tranh<br>trong nước<br>qua mạng | Một giai<br>đoạn một<br>túi hồ sơ | Quý II<br>năm 2020  | Trọn<br>gói | Tối đa 230 ngày<br>kể từ ngày ký<br>hợp đồng |
| 5 | Gói thầu số 09 (thiết bị):<br>Thiết bị văn phòng (bàn, ghế,<br>tủ, kệ hồ sơ), số lượng và<br>chủng loại theo phụ lục 02<br>đính kèm.                                                                                          | 1.266.543.000<br>(Một tỷ, hai trăm<br>sáu mươi sáu triệu,<br>năm trăm bốn<br>mươi ba nghìn<br>đồng chẵn). | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chào hàng<br>cạnh tranh<br>trong nước<br>qua mạng | Một giai<br>đoạn một<br>túi hồ sơ | Quý IV<br>năm 2020  | Trọn<br>gói | Tối đa 90 ngày<br>kể từ ngày ký<br>hợp đồng  |
| 6 | Gói thầu số 10 (thiết bị): Hệ<br>thống điều hòa không khí, số<br>lượng và chủng loại theo phụ<br>lục 02 đính kèm.                                                                                                             | 1.277.370.000<br>(Một tỷ, hai trăm<br>bảy mươi bảy<br>triệu, ba trăm bảy<br>mươi nghìn đồng<br>chẵn).     | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chào hàng<br>cạnh tranh<br>trong nước<br>qua mạng | Một giai<br>đoạn một<br>túi hồ sơ | Quý III<br>năm 2020 | Trọn<br>gói | Tối đa 90 ngày<br>kể từ ngày ký<br>hợp đồng  |
| 7 | Gói thầu số 11 (thiết bị): Hệ<br>thống mạng Lan, Điện thoại,<br>Camera quan sát, Máy tính,<br>máy in, máy chiếu, máy fax,<br>máy scan, máy photocopy,<br>cục lưu điện; số lượng và<br>chủng loại theo phụ lục 02<br>đính kèm. | 1.393.564.000<br>(Một tỷ, ba trăm<br>chín mươi ba triệu,<br>năm trăm sáu<br>mươi bốn nghìn<br>đồng chẵn). | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chào hàng<br>cạnh tranh<br>trong nước<br>qua mạng | Một giai<br>đoạn một<br>túi hồ sơ | Quý III<br>năm 2020 | Trọn<br>gói | Tối đa 90 ngày<br>kể từ ngày ký<br>hợp đồng  |
| 8 | - Gói thầu số 12 (tư vấn): Thí<br>nghiệm nén tĩnh cọc                                                                                                                                                                         | 146.245.000<br>(Một trăm bốn<br>mươi sáu triệu, hai<br>trăm bốn mươi<br>lăm nghìn đồng<br>chẵn).          | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chỉ định<br>thầu rút<br>gọn                       |                                   | Quý II<br>năm 2020  | Trọn<br>gói | Tối đa 15 ngày<br>kể từ ngày ký<br>hợp đồng  |

|                                  |                                                                                                                                                         |                                                                                                                           |                |                                       |                             |                 |          |                                                                                                                         |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9                                | Gói thầu số 13 (tư vấn): Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt trang thiết bị gói thầu số 05, 06, 07, 08, 12.                                           | 772.093.000<br>(Bảy trăm bảy mươi hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn).                                    | Ngân sách tỉnh | Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng | Một giai đoạn hai túi hồ sơ | Quý II năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 270 ngày kể từ ngày khởi công                                                                                    |
| 10                               | Gói thầu số 14 (tư vấn): Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 05; Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu số 06, 08, 09, 10, 11, 13. | 116.779.000<br>(Một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn).                                         | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn                 |                             | Quý II năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 20 ngày cho việc đánh giá hồ sơ dự thầu và E-HSDT, 10 ngày cho mỗi loại công việc còn lại kể từ ngày ký hợp đồng |
| 11                               | Gói thầu số 15 (tư vấn): Thẩm định hồ sơ mời thầu, E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05, 06, 08, 09, 10, 11, 13.                | 33.130.000<br>(Ba mươi ba triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).                                                       | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn                 |                             | Quý II năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 10 ngày đối với mỗi loại công việc kể từ ngày ký hợp đồng                                                        |
| 12                               | Gói thầu số 16 (phi tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 05, 06, 07, 08.                               | 35.592.000<br>(Ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).                                                | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn                 |                             | Quý II năm 2020 | Trọn gói | 270 ngày kể từ ngày khởi công + 12 tháng bảo hành                                                                       |
| <b>Tổng giá trị các gói thầu</b> |                                                                                                                                                         | <b>35.347.125.000 đồng</b><br><b>(Ba mươi lăm tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).</b> |                |                                       |                             |                 |          |                                                                                                                         |



**PHỤ LỤC 02 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

(Kèm theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng

| STT                                                                                                                                 | Nội dung chi phí                                                          | Kí hiệu  | Số lượng | Thành tiền            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------|----------|-----------------------|
| <b>Gói thầu số 05 (xây dựng): Xây dựng công trình nhà làm việc, công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật.</b>                         |                                                                           |          |          |                       |
| 1                                                                                                                                   | Hạng mục Nhà làm việc                                                     |          |          | 22.951.038.751        |
| 2                                                                                                                                   | Hạng mục hạ tầng kỹ thuật                                                 |          |          | 3.565.785.011         |
| 2.1                                                                                                                                 | Cổng tường rào                                                            |          |          | 592.396.151           |
| 2.2                                                                                                                                 | Sân đường, cột cờ                                                         |          |          | 189.208.802           |
| 2.3                                                                                                                                 | Cây xanh, thảm cỏ                                                         |          |          | 157.454.364           |
| 2.4                                                                                                                                 | Hệ thống cấp điện (không bao gồm phần xây dựng đường dây và trạm biến áp) |          |          | 852.792.315           |
| 2.6                                                                                                                                 | Hệ thống cấp thoát nước (bao gồm cả bể nước ngầm)                         |          |          | 607.178.587           |
| 2.8                                                                                                                                 | Hệ thống mạng Lan + Điện thoại + Camera quan sát                          |          |          | 412.892.158           |
| 2.9                                                                                                                                 | Phòng chống mối                                                           |          |          | 257.069.264           |
| 2.10                                                                                                                                | Phá dỡ hiện trạng                                                         |          |          | 120.133.529           |
| 2.11                                                                                                                                | Hệ thống ống, dây dẫn điều hòa không khí                                  |          |          | 376.659.841           |
|                                                                                                                                     | <b>Tổng cộng</b>                                                          |          |          | <b>26.516.823.762</b> |
| <b>Gói thầu số 06 (xây dựng và thiết bị): Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét toàn khu, Máy phát điện dự phòng.</b> |                                                                           |          |          |                       |
| I                                                                                                                                   | Chi phí xây dựng (Gxd)                                                    |          |          |                       |
|                                                                                                                                     | Hệ thống PCCC + Chống sét                                                 |          |          | 550.226.906           |
| II                                                                                                                                  | Chi phí thiết bị                                                          |          |          |                       |
| 1                                                                                                                                   | Thiết bị PCCC + chống sét                                                 | hệ thống | 1        | 781.987.800           |
| 2                                                                                                                                   | Máy phát điện dự phòng                                                    | bộ       | 1        | 690.800.000           |
|                                                                                                                                     | <b>Tổng cộng = (I) +(II)</b>                                              |          |          | <b>2.023.014.706</b>  |

| <b>Gói thầu số 07 (xây dựng và thiết bị): Đường dây và trạm biến áp.</b>       |                                                   |     |     |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----|-----|----------------------|
| <b>I</b>                                                                       | <b>Chi phí xây dựng (Gxd)</b>                     |     |     |                      |
|                                                                                | Xây dựng đường dây và trạm biến áp                |     |     | 311.572.286          |
| <b>II</b>                                                                      | <b>Chi phí thiết bị đường dây và trạm biến áp</b> |     |     | 554.400.000          |
|                                                                                | <b>Tổng cộng = (I) +(II)</b>                      |     |     | <b>865.972.286</b>   |
| <b>Gói thầu số 08 (thiết bị): Thang máy</b>                                    |                                                   |     |     |                      |
| 1                                                                              | Thang máy                                         | Bộ  | 1   | 900.000.000          |
|                                                                                | <b>Tổng cộng</b>                                  |     |     | <b>900.000.000</b>   |
| <b>Gói thầu số 09 (thiết bị): Thiết bị văn phòng (bàn, ghế, tủ, kệ hồ sơ).</b> |                                                   |     |     |                      |
| 1                                                                              | Bàn, ghế làm việc lãnh đạo đơn vị                 | Bộ  | 9   | 40.833.000           |
| 2                                                                              | Bàn, ghế làm việc trưởng, phó phòng               | Bộ  | 19  | 45.600.000           |
| 3                                                                              | Bàn, ghế làm việc nhân viên                       | Bộ  | 44  | 105.600.000          |
| 4                                                                              | Bàn, ghế tiếp khách                               | Bộ  | 12  | 84.000.000           |
| 5                                                                              | Bàn đại biểu                                      | Cái | 8   | 28.000.000           |
| 6                                                                              | Ghế hội trường có bàn viết                        | Cái | 180 | 504.000.000          |
| 7                                                                              | Bàn họp                                           | Cái | 3   | 13.500.000           |
| 8                                                                              | Ghế họp                                           | Cái | 51  | 59.160.000           |
| 9                                                                              | Tủ sắt                                            | Cái | 25  | 62.750.000           |
| 10                                                                             | Kệ hồ sơ                                          | Cái | 70  | 107.100.000          |
| 11                                                                             | Tủ hồ sơ                                          | Cái | 72  | 216.000.000          |
|                                                                                | <b>Tổng cộng</b>                                  |     |     | <b>1.266.543.000</b> |
| <b>Gói thầu số 10 (thiết bị): Hệ thống điều hòa không khí.</b>                 |                                                   |     |     |                      |
| 1                                                                              | Máy lạnh 2 cục treo tường - 12,000BTUh            | Bộ  | 12  | 154.800.000          |
| 2                                                                              | Máy lạnh 2 cục treo tường - 18,000BTUh            | Bộ  | 23  | 551.770.000          |
| 3                                                                              | Máy lạnh 2 cục treo tường - 21,000BTUh            | Bộ  | 11  | 284.900.000          |
| 4                                                                              | Máy lạnh âm trần - 45,000 BTUh                    | Bộ  | 6   | 285.900.000          |
|                                                                                | <b>Tổng cộng</b>                                  |     |     | <b>1.277.370.000</b> |



**Gói thầu số 11 (thiết bị): Hệ thống mạng Lan, Điện thoại, Camera quan sát, Máy tính, máy in, máy chiếu, máy fax, máy scan, máy photocopy, cục lưu điện.**

|   |                                                        |     |    |                      |
|---|--------------------------------------------------------|-----|----|----------------------|
| 1 | Hệ thống mạng Lan +<br>điện thoại + camera quan<br>sát | HT  | 1  | 250.644.000          |
| 2 | Máy vi tính                                            | Bộ  | 72 | 792.000.000          |
| 3 | Cục lưu điện                                           | Cái | 72 | 75.600.000           |
| 4 | Máy chiếu                                              | Cái | 4  | 34.000.000           |
| 5 | Máy photocopy                                          | Cái | 4  | 120.000.000          |
| 6 | Máy scan                                               | Cái | 6  | 56.160.000           |
| 7 | Máy in                                                 | Cái | 6  | 38.160.000           |
| 8 | Máy Fax                                                | Cái | 6  | 27.000.000           |
|   | <b>TỔNG CỘNG</b>                                       |     |    | <b>1.393.564.000</b> |

H  
ĐỒNG